TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **113**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2025
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị T**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá T**
Ông **Huỳnh Bá D**

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà **Hoàng Thị Mỹ T-** Thư ký TAND Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thuỳ D**- Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2025 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Lâm Thị L** – Sinh năm: 1984; Số CCCD: 048184001493 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/10/2022– Địa chỉ: Tổ 89 phường A, quận S, Tp Đà Nẵng (nay là phường A, TP Đà Nẵng). Địa chỉ liên hệ: Số 104 T, phường A, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Hoàng Đ** - Sinh năm: 1988; Số CCCD: 048088004662 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 28/5/2023 – Địa chỉ: 02/7 Đ, phường A, thành phố Đà Nẵng. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chung sống được một thời gian thì giữa vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, ông bà đã sống ly thân từ 02 năm nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà L đối với ông

Nguyễn Hoàng Đ không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đ.

- Về quan hệ con chung: Bà Lâm Thị L xác định bà và ông Nguyễn Hoàng Đ có 02 con chung là: Nguyễn Hoàng L- Sinh ngày: 05/4/200x và Nguyễn Hoàng H- Sinh ngày: 04/5/201x. Sau khi ly thân, bà L đã rời nhà thuê trọ sống, để hai con cho ông Đ nuôi dưỡng từ đó đến nay. Nay ly hôn, bà Lâm Thị L có nguyện vọng giao con Nguyễn Hoàng H cho ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Nguyễn Hoàng L đã đủ 18 tuổi và phát tiển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Lâm Thị L xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Lâm Thị L xác định không có.

** Đối với bị đơn – ông Nguyễn Hoàng Đ*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Đ có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông Đ có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà L, ông đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông Đ xác định có 02 con chung: Nguyễn Hoàng L- Sinh ngày: 05/4/200x và Nguyễn Hoàng H- Sinh ngày: 04/5/201x. Ly hôn ông Đ thống nhất với yêu cầu của bà L, giao con Nguyễn Hoàng H cho ông Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Nguyễn Hoàng L đã đủ 18 tuổi và phát tiển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Đ xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Đ xác định không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thoả thuận về việc nuôi con chung như sau: Giao con chung Nguyễn Hoàng H cho ông Nguyễn Hoàng Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà Lâm Thị L không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Nguyễn Hoàng L đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ xác định không có nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ xác định không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn khởi kiện của bà Lâm Thị L nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025

Ông Nguyễn Hoàng Đ là bị đơn trong vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường A, quận S, Tp Đà Nẵng (nay là phường A, Tp Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 20x cấp ngày 22/01/200x. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống phường An H, quận S, thành phố Đà Nẵng. Chung sống được một thời gian thì giữa vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, ông bà đã sống ly thân từ 02 năm nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay bà Lâm Thị L xác định không còn yêu thương ông Nguyễn Hoàng Đ nữa, bà xin được ly hôn. Về phía bị đơn- ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ là hoàn toàn tự nguyện, mâu thuẫn hôn nhân của bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ.

[2.2] Về con chung: Bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ xác định có 02 con chung là: Nguyễn Hoàng L- Sinh ngày: 05/4/200x và Nguyễn Hoàng H- Sinh ngày: 04/5/201x. Ly hôn, bà L và ông Đ thống nhất giao con Nguyễn Hoàng H cho ông Điệp được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Nguyễn Hoàng L đã đủ 18 tuổi và phát tiển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét sự thoả thuận về việc nuôi con chung của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với tình hình thực tế nên căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thoả thuận này.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí HNGĐ sơ thẩm: Các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

- Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* của bà Lâm Thị L đối với ông Nguyễn Hoàng Đ.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ.

Do công nhận việc thuận tình ly hôn của bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ nên giấy chứng nhận kết hôn số 203 do UBND phường A, quận S, Tp Đà Nẵng (nay là phường A, Tp Đà Nẵng) cấp cho bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ ngày 22/01/2027 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận thoả thuận về việc nuôi con chung giữa bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ như sau: Giao con chung Nguyễn Hoàng H- Sinh ngày: 04/5/201x cho ông Nguyễn Hoàng Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà Lâm Thị L không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Nguyễn Hoàng L- Sinh ngày: 05/4/200x do đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Hoàng Đ phải chịu, nhưng bà Lâm Thị L tự nguyện chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Lâm Thị L đã nộp tại biên lai thu số 0000844 ngày 18/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người

phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND Khu vực 2- Đà Nẵng;*
- *THADS TP Đà Nẵng;*
- *UBND phường A;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị T

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Ngũ Hành Sơn;*
- *Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;*
- *UBND phường An Hải Đông;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Ngũ Hành Sơn;*
- *Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;*
- *UBND phường Nại Hiên Đông;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm

Nơi nhận:
THẨM
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường An Hải Tây, Q. Sơn Trà,Tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ TRÂM